TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 6 – NINH BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 25/2026/HNGĐ-ST
Ngày 27 -02 - 2026
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6 – NINH BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tươi.

Các Hội thẩm nhân dân:

1.Ông Phạm Quốc Tuấn.

2. Bà Đỗ Thị Vân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Lan Anh - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 6 - Ninh Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 – Ninh Bình *tham gia phiên tòa:* Bà Ngô Thị Thanh Quý - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 02 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 6 – N sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 206/2025/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 11 năm 2025 về việc tranh chấp*"Ly hôn, nuôi con"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 thỏng 01 nă m 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 05/2026/QĐST-HNGĐ ngày 03 tháng 02 năm 2026, giữa:

1. Nguyên đơn: Chị Vũ Thị H, sinh năm 1998; Nơi ĐKHKTT: Tổ dân phố G, phường Đ, tỉnh Ninh Bình; nơi ở hiện nay: 3 B, khu N, thị trấn T, thành phố T, tỉnh Aichi, Nhật Bản; vắng mặt và có đơn xin vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của chị Vũ Thị H để giao, nhận tài liệu, văn bản tố tụng: Ông Đặng Hồng S, sinh năm 2001; nơi cư trú: Thôn A, xã T, tỉnh Thanh Hóa và ông Nguyễn Văn S1, sinh năm 1999; nơi cư trú: Khu C, phường V, tỉnh Bắc Ninh; vắng mặt và có đơn xin vắng mặt.

2. Bị đơn: Anh Bùi Thiện Q, sinh năm 1998; nơi ĐKHKTT: Tổ dân phố G, phường Đ, tỉnh Ninh Bình; theo lời khai của chị Vũ Thị H hiện nay anh Bùi Thiện Q sống và lao động ở Nhật Bản, không rõ địa chỉ cụ thể; vắng mặt không có lý do.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Bùi Văn T, sinh năm 1970 và bà Nguyễn Thị T1, sinh năm 1979; cùng nơi cư trú: Tổ dân phố G, phường Đ, tỉnh Ninh Bình; vắng mặt và có đơn xin vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai nguyên đơn chị Vũ Thị H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Vũ Thị H và anh Bùi Thiện Q kết hôn trên cơ sở tự nguyện, tự do tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện D, tỉnh Hà Nam (nay là phường Đ, tỉnh Ninh Bình) ngày 02/10/2018. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc hạnh phúc đến đầu năm 2021 anh Q xuất cảnh sang Nhật Bản để làm việc và cũng từ đó giữa hai vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn chủ yếu do chị và anh Q không hòa hợp về tính cách, không có sự thông cảm, thấu hiểu lẫn nhau, đời sống vợ chồng lạnh nhạt, không quan tâm đến nhau, khoảng cách địa lý xa xôi, giờ giấc sinh hoạt khác nhau nên chị và anh Q ít có thời gian nói chuyện, chia sẻ, lâu ngày tình cảm trở lên phai nhạt, thường xuyên cãi vã, giận hờn. Tháng 4/2022 chị cũng xuất cảnh sang Nhật Bản để làm việc nhưng giữa chị và anh Q không sống cùng một nơi mà ở cách xa nhau, vợ chồng sống ly thân từ cuối năm 2021 cho đến nay. Chị đã nhiều lần liên lạc hỏi anh Q về địa chỉ của anh Q ở Nhật Bản nhưng anh không cho chị biết. Nay chị H xác định tình cảm không còn, vợ chồng sống ly thân đã lâu nên chị đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn giữachị và anh Bùi Thiện Q.

Về con chung: Anh Q, chị H có 01 con chung là cháu Bùi Thiện A, sinh ngày 19/02/2019. Khi ly hôn chị H xin nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con chung. Do chị đang làm việc tại Nhật Bản hiện nay cháu A đang ở với ông bà nội là ông Bùi Văn T và bà Nguyễn Thị T1 nên chị H đề nghị Tòa án tạm giao cháu A cho ông T, bà T1 tiếp tục chăm sóc, khi hết thời hạn lao động tại nước ngoài về Việt Nam sinh sống thì ông T, bà T1 giao lại cháu A cho chị trực tiếp nuôi dưỡng.

Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ chung, công sức đóng góp và các vấn đề khác: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị H tự nguyện nộp toàn bộ án phí LHST.

Quan điểm của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Bùi Văn T và bà Nguyễn Thị T1 (bố mẹ đẻ của anh Bùi Thiện Q):

Chị Vũ Thị H và anh Bùi Thiện Q đăng ký kết hôn vào năm 2018 tại Ủy ban nhân dân thị trấn Đ, huyện D, tỉnh Hà Nam (nay là phường Đ, tỉnh Ninh Bình). Năm 2021 anh Q đi lao động tại Nhật Bản đến nay chưa về Việt Nam. Anh Q thi thoảng có gọi điện về hỏi thăm gia đình nhưng chỉ có anh Q chủ động gọi điện về thông qua mạng xã hội (zalo, fabook), ông bà không liên lạc được với anh Q. Anh Q không cho ông bà biết địa chỉ cụ thể, số điện thoại của anh Q ở Nhật Bản. Do đó ông bà không cung cấp được địa chỉ và số điện thoại của anh Q cho Tòa án. Ông bà đồng ý nhận các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng ông bà không nhận trách nhiệm phải thông báo cho anh Q biết về các văn bản đó cũng như yêu cầu anh Q gửi bản tự khai về Tòa án. Việc vợ chồng chị Vũ Thị H, anh Bùi Thiện Q ly hôn đây là việc riêng của anh chị, ông bà không liên quan nên đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Vợ chồng chị H, anh Q có 01 con chung là Bùi Thiện A, sinh ngày 19/02/2019. Sau khi cưới được khoảng 03 năm thì anh Q, chị H đi lao động tại Nhật Bản, cháu Bùi Thiện A do vợ chồng ông bà nuôi dưỡng, chăm sóc từ đó đến nay, hiện tại cháu ngoan ngoãn, mạnh khỏe, phát triển tốt. Nay chị H, anh Q đều đang ở Nhật Bản, chị H đề nghị Tòa án tạm giao cháu A cho vợ chồng ông bà chăm sóc, nuôi dưỡng thì ông bà đồng ý tiếp tục nuôi dưỡng cháu A và không yêu cầu chị H, anh Q cấp dưỡng nuôi cháu A. Về tài sản chung, công sức, công nợ: Anh Q, chị H không có tài sản chung, công nợ chung gì tại địa phương và không có đóng góp công sức gì với vợ chồng ông bà.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 – Ninh Bình phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 6 - Ninh Bình. Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn thuộc trường hợp cố tình giấu địa chỉ, vắng mặt phiên tòa lần 2, đề nghị Hội đồng xét xử theo thủ tục chung.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, khoản 4 Điều 147, Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; Các điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, 123 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc hôn nhân và gia đình; Công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân tối cao về giải quyết vụ án ly hôn có bị đơn là người Việt Nam ở nước ngoài nhưng không rõ địa chỉ; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTV Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử ly hôn giữa chị Vũ Thị H và anh Bùi Thiện Q. Về con chung: Giao cháu Bùi Thiện A cho chị Vũ Thị H chăm sóc, nuôi dưỡng; trong thời gian chị H ở nước ngoài, tạm giao cháu cho ông Bùi Văn T và bà Nguyễn Thị T1 chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh Q không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung, công sức, công nợ chung của chị H, anh Q không có. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị H phải chịu theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, nghe Kiểm sát viên phát biểu ý kiến, sau khi thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về tố tụng: Hiện nay anh Bùi Thiện Q vẫn có nơi ĐKHKTT: Tổ dân phố G, phường Đ, tỉnh Ninh Bình và anh Q đang sinh sống ở nước ngoài không rõ địa chỉ nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 6 - Ninh Bình theo quy định tại khoản 1 Điều 28 và Điều 35 của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Tòa án đã tiến hành tống đạt các văn bản tố tụng cho bố, mẹ đẻ của anh Q là ông Bùi Văn T, bà Nguyễn Thị T1 và nhiều lần yêu cầu thân nhân của anh Q cung cấp địa

chỉ của bị đơn nhưng không có kết quả, mặt khác Tòa án đã niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định pháp luật. Vì vậy, Hội đồng xét xử giải quyết vụ án vắng mặt bị đơn (phiên tòa lần 02) theo quy định tại Điều 227; Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc hôn nhân và gia đình và Công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân tối cao về giải quyết vụ án ly hôn có bị đơn là người Việt Nam ở nước ngoài nhưng không rõ địa chỉ.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Vũ Thị H và anh Bùi Thiện Q kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 02/10/2018. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, không tìm được tiếng nói chung, vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Năm 2021, anh Q đi sang Nhật Bản lao động, đến năm 2022 chị H cũng sang Nhật Bản lao động nhưng tiếp tục phát sinh mâu thuẫn, không thể hàn gắn được, vợ chồng sống ly thân từ năm 2021, không quan tâm đến nhau. Nay chị H khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết cho chị và anh Q ly hôn. Xét mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ quy định tại Điều 51, 56 và khoản 2 Điều 123 Luật hôn nhân và gia đình, xử ly hôn giữa chị Vũ Thị H và anh Bùi Thiện Q.

[3] Về con chung: Chị H và anh Q có 01 con chung là cháu Bùi Thiện A, sinh ngày 19/02/2019. Hiện nay cháu A đang do ông T, bà T1 trực tiếp nuôi dưỡng. Khi ly hôn, chị H xin được chăm sóc, nuôi dưỡng con chung xong do chị H đang ở Nhật Bản nên chị nhờ ông Bùi Văn T và bà Nguyễn Thị T1 (bố mẹ của anh Q) chăm sóc, nuôi dưỡng cháu A trong thời gian chị H ở nước ngoài. Ông T, bà T1 cũng nhất trí nhận trách nhiệm chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu A cho đến khi chị H về nước và không yêu cầu chị H, anh Q cấp dưỡng nuôi cháu A. Do vậy, Hội đồng xét xử tạm giao cháu Bùi Thiện A cho ông Bùi Văn T và bà Nguyễn Thị T1 chăm sóc, giáo dục từ tháng 02/2026, cho đến khi chị H về Việt Nam, ông T và bà T1 có trách nhiệm giao cháu Bùi Thiện A cho chị H trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục theo quy định. Anh Q không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[4] Về tài sản chung, riêng, công nợ, công sức đóng góp và các vấn đề khác: Các đương sự không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Vì anh Q đang ở Nhật Bản, không rõ địa chỉ và không có ý kiến tại Tòa án, do đó khi chị H, anh Q phát sinh tranh chấp về việc nuôi con, tài sản chung, công nợ chung thì sẽ giải quyết bằng một vụ án khác khi đương sự có yêu cầu.

[5] Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị H tự nguyện nộp toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm nên Hội đồng xét xử chấp nhận sự tự nguyện của chị H.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, khoản 4 Điều 147, Điều 227, 228, 266, Điều 271, Điều 273, Điều 280 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

- Các điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, 123 của Luật Hôn nhân và gia đình;

- Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc hôn nhân và gia đình;

- Công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân tối cao về giải quyết vụ án ly hôn có bị đơn là người Việt Nam ở nước ngoài nhưng không rõ địa chỉ;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTV Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử ly hôn giữa chị Vũ Thị H và anh Bùi Thiện Q.

2. Về con chung: Giao cháu Bùi Thiện A, sinh ngày 19/02/2019 cho chị Vũ Thị H chăm sóc, nuôi dưỡng kể từ tháng 02/2026 cho đến khi cháu A đủ 18 tuổi, trưởng thành tự lập. Anh Q không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Tạm giao cháu Bùi Thiện A cho ông Bùi Văn T và bà Nguyễn Thị T1 trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục từ tháng 02/2026. Khi chị H về Việt Nam ông T, bà T1 có trách nhiệm giao cháu Bùi Thiện A cho chị Vũ Thị H trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục theo quy định.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Vũ Thị H phải chịu 300.000đ. Đối trừ số tiền tạm ứng án phí chị H đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0002764 ngày 11/11/2025 tại Thi hành án dân sự tỉnh Ninh Bình.

Chị Vũ Thị H và anh Bùi Thiện Q được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng; ông Bùi Văn T và bà Nguyễn Thị T1 được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị

cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Ninh Bình;
- Viện KSNDKV 6 - Ninh Bình;
- Các đương sự;
- Ông Thập, bà Thúy;
- Phòng THADSKV 6 - Ninh Bình;
- UBND phường Đồng Văn;
- Lưu hồ sơ, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Tươi